

Số: /TCBC-STP

Đắk Lắk, ngày tháng 6 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh
ban hành trong tháng 5 năm 2026

Thực hiện quy định tại điểm c Mục 3 Phần IV Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành trong tháng 5 năm 2026, cụ thể như sau:

I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND, UBND TỈNH

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh

- Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 ban hành Quy chế làm việc của HĐND tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 quy định một số đối tượng khác được vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội với mức lãi suất thấp hơn.

- Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 quy định chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030.

- Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định của UBND tỉnh

- Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất; việc quản lý thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 42/2026/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh

1.1. Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 ban hành Quy chế làm việc của HĐND tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 26/5/2026, thay thế Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc, quy trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, quan hệ công tác của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh.

- Đối tượng áp dụng:

+ HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh (sau đây viết tắt là HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND);

+ Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Ủy viên của Thường trực HĐND; Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của HĐND; Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND; Lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND;

+ Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Kỳ họp HĐND:

+ HĐND họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ. HĐND quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND;

+ HĐND họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND cùng cấp yêu cầu. Việc yêu cầu được thực hiện bằng văn bản

và gửi đến Thường trực HĐND chậm nhất 07 ngày làm việc, trước ngày dự kiến diễn ra kỳ họp; trong đó nêu rõ dự kiến nội dung, thời gian tổ chức kỳ họp.

- Chế độ, hình thức làm việc của Thường trực HĐND:

+ Thường trực HĐND họp thường kỳ mỗi tháng 01 lần; khi cần thiết thì họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch HĐND được Chủ tịch HĐND ủy quyền. Phiên họp phải bảo đảm có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực HĐND tham dự;

+ Thường trực HĐND thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Các quyết định của Thường trực HĐND phải được quá nửa tổng số thành viên Thường trực HĐND biểu quyết tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch HĐND được Chủ tịch HĐND ủy quyền đã biểu quyết, kể cả trường hợp xin ý kiến bằng văn bản; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

+ Thành viên Thường trực HĐND chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND phân công;

+ Thường trực HĐND làm việc thông qua các hình thức sau đây: Phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất; Gửi xin ý kiến bằng văn bản; Hội nghị; Các đoàn công tác; Các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

- Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

1.2. Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 quy định một số đối tượng khác được vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội với mức lãi suất thấp hơn

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 05/6/2026, bãi bỏ Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định cho vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động tỉnh Phú Yên bằng nguồn vốn địa phương.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định một số đối tượng khác ngoài đối tượng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 được vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội với mức lãi suất thấp hơn.

- Đối tượng áp dụng: người lao động thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.

- Đối tượng được vay vốn:

+ Người lao động thường trú tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ đủ 12 tháng trở lên thuộc một trong các trường hợp sau đây được vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội với mức lãi suất thấp hơn: người có đất bị thu hồi thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật về đất đai; thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày có văn bản xác nhận hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chức năng cho đến thời điểm nộp hồ sơ vay vốn; trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày có văn bản xác nhận hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chức năng cho đến thời điểm nộp hồ sơ vay vốn; người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống ngoài địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh Đắk Lắk; người lao động có hoàn cảnh khó khăn do tai nạn, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh có xác nhận của chính quyền địa phương cấp xã nơi thường trú trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày xảy ra những rủi ro đến thời điểm nộp hồ sơ vay vốn; sinh viên, học sinh, học viên tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời hạn 24 tháng, kể từ khi tốt nghiệp cho đến thời điểm nộp hồ sơ vay vốn; du học sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ở nước ngoài tốt nghiệp trở về nước trong thời hạn 24 tháng, kể từ khi tốt nghiệp trở về nước cho đến thời điểm nộp hồ sơ vay vốn;

+ Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân trong thời hạn 60 tháng, kể từ ngày có quyết định xuất ngũ trở về địa phương đến thời điểm nộp hồ sơ vay vốn.

- Kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay.

- Điều khoản chuyển tiếp: người lao động đã vay vốn theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định các đối tượng chính sách khác được vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định cho vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động tỉnh Phú Yên bằng nguồn vốn địa phương, đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đang còn dư nợ vay thì tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay theo hợp đồng tín dụng đã ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk nơi cho vay.

1.3. Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 quy định chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030

a) *Hiệu lực thi hành*: từ ngày 05/6/2026, bãi bỏ Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022-2025.

b) *Nội dung chủ yếu*: quy định một số chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

- Đối tượng áp dụng: cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có di sản văn hóa công chiêng; nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân (gọi tắt là nghệ nhân), người thực hành và truyền dạy (gọi tắt là người thực hành) di sản văn hóa công chiêng; các câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công chiêng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ tổ chức lớp truyền dạy, thực hành và trao truyền di sản văn hóa phi vật thể gắn với công chiêng tại cộng đồng; các cơ sở giáo dục mầm non, trường học các cấp và trường dân tộc nội trú tại vùng có hoạt động thực hành di sản:

+ Mỗi lớp tổ chức không quá 30 buổi; bố trí tối đa 03 nghệ nhân tham gia truyền dạy, trong đó có 01 nghệ nhân phụ trách chính. Trường hợp lớp truyền dạy từ 02 nội dung di sản trở lên, được bố trí thêm nghệ nhân nhưng không quá 03 nghệ nhân/lớp;

+ Hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại cho học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia lớp truyền dạy trực tiếp tại cộng đồng: mức hỗ trợ tối đa 80.000 đồng/người/ngày. Đối với các trường hợp khác thực hiện theo điểm b khoản 3 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

+ Mức chi thù lao, hỗ trợ đối với nghệ nhân, người thực hành tham gia giảng dạy, hướng dẫn, truyền dạy thực hiện theo điểm b, điểm c khoản 1 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP.

- Hỗ trợ tổ chức phục dựng, tái hiện nghi lễ, lễ hội truyền thống tiêu biểu hoặc có nguy cơ mai một:

+ Ưu tiên các nghi lễ, lễ hội truyền thống tiêu biểu hoặc có nguy cơ mai một, thất truyền; việc tổ chức phục dựng, tái hiện phải bảo đảm phù hợp phong tục, tập quán và được cộng đồng chủ thể thống nhất;

+ Đối với vật tư, lễ vật, đạo cụ, mô hình, nhạc cụ do cộng đồng tự chế tác, chuẩn bị phục vụ phục dựng, tái hiện: thanh toán theo ngày công, mức hỗ trợ tối đa 300.000 đồng/người/ngày. Trường hợp mua các lễ vật, sản vật trong cộng đồng dân cư không có hóa đơn thì thực hiện thanh toán theo bảng kê và chứng từ hợp pháp có xác nhận của đơn vị tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ thanh toán.

- Nguồn kinh phí: chi ngân sách hằng năm của địa phương theo phân cấp; lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án theo quy định; tài trợ, viện trợ, huy động hợp pháp khác.

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

1.4. Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 26/5/2026.

b) *Nội dung chủ yếu:* sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.

- Bổ sung giá đất ở tại đô thị của các tuyến đường, đoạn đường chưa có trong Bảng giá đất vào Phụ lục I “Bảng giá đất ở tại đô thị”, chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

- Bổ sung giá đất ở tại nông thôn của các tuyến đường, đoạn đường chưa có trong Bảng giá đất vào Phụ lục II “Bảng giá đất ở tại nông thôn”, chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

- Bổ sung giá đất các khu công nghiệp chưa có trong Bảng giá đất vào Phụ lục VI “Bảng giá đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp”, chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

- Sửa đổi gạch đầu dòng (-) thứ 2, điểm a khoản 1 Điều 4; Sửa đổi dòng số thứ tự thứ 73 Phụ lục VII “Bảng giá đất chuyên trồng lúa”; Sửa đổi dòng số thứ tự thứ 73 Phụ lục VIII “Bảng giá đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)”; Sửa đổi dòng số thứ tự 13, sửa đổi dòng số thứ tự 63, bổ sung dòng số thứ tự 13a mục A5, sửa đổi dòng số thứ tự 45 mục A7, sửa đổi dòng số thứ tự 53 mục A8 Phụ lục I “Bảng giá đất ở tại đô thị”; Sửa đổi dòng số thứ tự 13, sửa đổi dòng số thứ tự 63, bổ sung dòng số thứ tự 13a mục A5, sửa đổi dòng số thứ tự 53 mục A8 Phụ lục III “Bảng giá đất thương mại, dịch vụ”; Sửa đổi dòng số thứ tự 13, sửa đổi dòng số thứ tự 63, bổ sung dòng số thứ tự 13a mục A5, sửa đổi dòng số thứ tự 53 mục A8 Phụ lục IV “Bảng giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp”.

2. Quyết định của UBND tỉnh

2.1. Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 28/5/2026.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định việc kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh, gồm: phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, thời

hạn, tần suất kiểm tra; lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra; nội dung, trình tự kiểm tra; tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra; theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra và một số nội dung khác có liên quan.

- Đối tượng áp dụng: cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp; Đoàn kiểm tra và các thành viên Đoàn kiểm tra; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng kiểm tra; và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đăng ký kinh doanh.

- Thẩm quyền kiểm tra:

+ Người đứng đầu cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính (cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) có thẩm quyền trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát doanh nghiệp theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; đồng thời, theo dõi, kiểm tra cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

+ Trưởng phòng Kinh tế (đối với xã), Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thuộc UBND cấp xã (cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) có thẩm quyền trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo dõi, kiểm tra hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Hình thức kiểm tra:

+ Hoạt động kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất;

+ Kiểm tra theo kế hoạch được tiến hành trên cơ sở kế hoạch kiểm tra được cấp thẩm quyền phê duyệt hàng năm;

+ Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật; theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, phòng, chống tham nhũng hoặc theo yêu cầu cấp thiết phục vụ công tác quản lý nhà nước;

+ Kiểm tra trực tiếp tại địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên hồ sơ, dữ liệu điện tử.

- Thời hạn thực hiện một cuộc kiểm tra:

+ Cuộc kiểm tra do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện không quá 07 ngày làm việc, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 03 ngày làm việc;

+ Cuộc kiểm tra do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện không quá 05 ngày làm việc, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 02 ngày làm việc.

- Quy trình quy định cụ thể nội dung kiểm tra về đăng ký doanh nghiệp, các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp; nội dung kiểm tra về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; nội dung kiểm tra về đăng ký hộ kinh doanh.

2.2. Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất; việc quản lý thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 14/5/2026, bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và UBND tỉnh Phú Yên (trước đây):

- Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định điều kiện và diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định các hạn mức về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên (trừ Điều 10, Điều 11, khoản 3 Điều 12 Quy định hạn mức về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND);

- Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định các nội dung liên quan đến việc quản lý thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành điểm n khoản 1 Điều 137, khoản 4 Điều 139, khoản 5 Điều 141, khoản 5 Điều 176, khoản 3 Điều 177, khoản 2 Điều 195, khoản 2 Điều 196, khoản 4 Điều 220 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; khoản 4 Điều 47, khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Đối tượng áp dụng: cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng quản lý đất đai; tổ chức dịch vụ công về đất đai; cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực quản lý đất đai; cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và các đối tượng khác có liên quan đến quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Hạn mức giao đất ở cho cá nhân:

+ Khu vực nông thôn: không quá 500 m²;

+ Khu vực đô thị: không quá 300 m²;

+ Hạn mức giao đất ở quy định tại Điều này không áp dụng cho các trường hợp giao đất ở do trúng đấu giá quyền sử dụng đất và bồi thường bằng đất đối với trường hợp thu hồi đất có diện tích lớn hơn hạn mức giao đất ở; xử lý các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy định tại điểm n khoản 3 Điều 124 Luật số 31/2024/QH15.

- Diện tích tối thiểu sau khi tách thửa đối với đất nông nghiệp:

+ Đối với đất lâm nghiệp: 3.000 m²;

+ Đối với đất nông nghiệp (trừ trường hợp khoản 1, khoản 3 Điều này): khu vực nông thôn: 1.000 m²; khu vực đô thị: 500 m²;

+ Đối với đất nông nghiệp trước đây được cân đối theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho hộ gia đình sử dụng đất, nay người sử dụng đất trong hộ gia đình có nhu cầu tách thửa để phân chia diện tích được cân đối theo nhân khẩu để thực hiện quyền sử dụng đất thì diện tích tối thiểu cho phép tách thửa được xác định theo hạn mức giao đất đã cân đối theo nhân khẩu mà không áp dụng theo diện tích tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này.

- Diện tích, kích thước tách thửa đối với đất ở:

+ Các thửa đất được hình thành sau khi tách thửa phải có diện tích tối thiểu: khu vực nông thôn: 60 m²; khu vực đô thị: 40 m²;

+ Các thửa đất được hình thành sau khi tách thửa phải đảm bảo kích thước cạnh phía tiếp giáp lối đi bằng hoặc lớn hơn 4,0 mét đối với địa bàn xã; bằng hoặc lớn hơn 3,0 mét đối với địa bàn phường. Nếu thửa đất có nhiều cạnh tiếp giáp với một lối đi thì tổng chiều dài các cạnh đó phải đảm bảo theo Quy định này;

+ Đối với thửa đất có đất ở và đất khác thì các thửa đất được tách có diện tích đất ở phải đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

- Rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt:

+ Hằng năm, căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chủ trì, phối hợp với phòng, ban và các tổ chức, đơn vị có liên quan: rà soát, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý; trích lục bản đồ địa chính hoặc đo đạc xác định vị trí, ranh giới, diện tích của từng thửa đất; xác định nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, trật tự xây dựng (nếu có) theo quy định; đề xuất phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý báo cáo UBND cấp xã xem xét, quyết định;

+ UBND cấp xã phê duyệt danh mục và tổ chức công bố, công khai, lấy ý kiến người sử dụng đất liền kề danh mục tại điểm c khoản 1 Điều này thời hạn 15 (mười

lăm) ngày gồm các hình thức sau: công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp xã nơi có đất và đăng tin, công khai ít nhất hai lần trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk (mỗi lần thông báo công khai cách nhau ít nhất 03 ngày làm việc); truyền thông trên phương tiện truyền thanh của cấp xã một lần/ngày; niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và các địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý.

Việc niêm yết công khai và kết thúc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó nêu rõ thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc niêm yết công khai. Trong thời gian lấy ý kiến, trường hợp người dân có ý kiến, kiến nghị thì nội dung ý kiến, kiến nghị phải được thể hiện bằng văn bản.

2.3. Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 15/5/2026 đến hết ngày 31/12/2026.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Đối tượng áp dụng: cơ quan có chức năng quản lý đất đai; văn phòng đăng ký đất đai; UBND các xã, phường; cơ quan thuế và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Bảng giá đất: Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk, được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung của HĐND tỉnh Đắk Lắk (nếu có).

- Hệ số K để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư là $K = 1$ (một), trừ các trường hợp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng hệ số K là giá trị thể hiện tại Phụ lục I.

- Hệ số K để làm căn cứ tính các khoản tiền, thuế, lệ phí, xác định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 159 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 là $K = 1$ (một), trừ các trường hợp xác định giá khởi điểm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng hệ số K là giá trị thể hiện tại Phụ lục II.

- Hệ số K để làm căn cứ tính các khoản tiền theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 160 Luật Đất đai số 31/2024/QH15:

+ Hệ số K áp dụng cho các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này (trừ các trường hợp quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này) được xác định như sau: Hệ số $K_{tt} = 1$ (một); Hệ số $K_{yah} = 1$ (một); Hệ số K_{qh} xác định theo hệ số sử dụng đất trong quy hoạch chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp vị trí đất chưa có quy hoạch chi tiết được phê duyệt thì $K_{qh} = 1$ (một). Cụ thể:

Hệ số sử dụng đất	Kqh
Chưa có quy hoạch chi tiết được phê duyệt hoặc hệ số sử dụng đất $\leq 2,0$	Kqh = 1 (một)
Hệ số sử dụng đất $> 2,0$ đến 3,5	Kqh = 1,05 (một phẩy không năm)
Hệ số sử dụng đất $> 3,5$	Kqh = 1,1 (một phẩy một)

+ Các trường hợp quy định tại Phụ lục II, hệ số K là giá trị thể hiện tại Phụ lục II.

2.4. Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 25/5/2026, bãi bỏ Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ, UBND cấp xã, lực lượng Công an nhân dân và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: Sở Xây dựng, UBND cấp xã, lực lượng Công an nhân dân; các Sở, ngành chức năng có liên quan; nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ; nhà đầu tư BOT đường bộ đang khai thác và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung phối hợp:

+ Tuyên truyền, phổ biến, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

+ Thực hiện trong việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

+ Công tác xử lý vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; các hành vi lấn chiếm phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đã được bồi thường, thu hồi trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ;

+ Phối hợp thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước giữa các Sở, ban, ngành của tỉnh và UBND cấp xã trong công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường bộ;

+ Các nội dung phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Hình thức phối hợp:

+ Phối hợp thực hiện thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương; xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

+ Phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin, ý kiến bằng văn bản hoặc điện thoại và các hình thức khác phục vụ việc xử lý hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác, thi công công trình trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ;

+ Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ công tác xử lý vi phạm hành chính, các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

+ Thống kê, báo cáo kết quả, tổ chức sơ kết, tổng kết công tác xử lý vi phạm về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh;

+ Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

- Phương tiện và kinh phí thực hiện:

+ Cơ quan, đơn vị tham gia phối hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị mình trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ; cơ quan, đơn vị nào cử người tham gia thì cơ quan, đơn vị đó chịu trách nhiệm thanh toán chế độ cho người tham gia theo quy định hiện hành. Kinh phí phục vụ công tác cưỡng chế giải tỏa công trình vi phạm thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành;

+ Đối với quốc lộ, đường tỉnh: Sở Xây dựng, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ bố trí nhân lực, máy móc chuyên dùng để phối hợp thực hiện trên cơ sở kế hoạch cưỡng chế, giải tỏa. Hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế của từng tuyến đường, tính chất, đặc điểm, địa bàn quản lý các đơn vị lập dự toán kinh phí để thực hiện cho công tác này;

+ Đối với đường xã, đường đô thị, đường thôn: Hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế của từng tuyến đường, tính chất, đặc điểm, địa bàn quản lý UBND cấp xã tổ chức lập dự toán kinh phí để thực hiện cho công tác này. Kinh phí phục vụ công tác cưỡng chế giải tỏa công trình vi phạm thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2.5. Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 28/5/2026, bãi bỏ Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy định một số nội dung về công tác phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định về trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn và tài sản gắn liền với đất theo Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Việc cho thuê quỹ đất ngắn hạn và tài sản gắn liền với đất sau đây gọi tắt là cho thuê đất ngắn hạn.

- Đối tượng áp dụng: Tổ chức phát triển quỹ đất; UBND cấp xã nơi có đất cho thuê; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, khai thác, sử dụng quỹ đất ngắn hạn.

- Đối tượng được thuê đất ngắn hạn: gồm tổ chức, cá nhân trong nước (sau đây gọi tắt là người thuê đất).

- Hồ sơ đăng ký thuê đất: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công bố công khai danh mục và đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn, người đăng ký thuê đất mua hồ sơ, thực hiện kê khai thông tin và nộp hồ sơ trực tiếp cho Tổ chức phát triển quỹ đất hồ sơ gồm: đơn đăng ký thuê đất (theo Mẫu số 01 kèm theo Quy định này); các loại giấy tờ (bản sao có chứng thực): căn cước công dân (đối với cá nhân), giấy phép kinh doanh (đăng ký doanh nghiệp), căn cước công dân của người đại diện (đối với tổ chức); chứng từ nộp tiền đặt trước (bản phô tô).

Các loại giấy tờ trên được bỏ vào túi đựng hồ sơ dán kín và bỏ vào thùng phiếu có niêm phong đặt tại trụ sở Tổ chức phát triển quỹ đất.

- Nguồn thu từ cho thuê đất ngắn hạn: Các khoản tiền thu từ cho thuê đất ngắn hạn được tính vào doanh thu của Tổ chức phát triển quỹ đất và hạch toán theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Trách nhiệm thực hiện của Tổ chức phát triển quỹ đất:

+ Tổ chức phát triển quỹ đất triển khai thực hiện các điều khoản tại Quy định này;

+ Thường xuyên kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, ranh, mốc, việc thực hiện các điều khoản trong hợp đồng thuê đất. Trước ngày 15/12 hàng năm tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả cho thuê đất ngắn hạn;

+ Cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để điều chỉnh danh mục cho thuê đất ngắn hạn cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, đơn vị, có liên quan:

+ Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến thống nhất về đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn trước khi Tổ chức phát triển quỹ đất trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

+ UBND cấp xã nơi có đất cho thuê phối hợp với Tổ chức phát triển quỹ đất kiểm tra, quản lý đối với các khu đất, thửa đất trong quá trình cho thuê và sử dụng đất theo hợp đồng cho thuê;

+ Công an cấp xã có trách nhiệm đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương, phối hợp với Tổ chức phát triển quỹ đất xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến khu đất, thửa đất cho thuê.

2.6. Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 08/6/2026, bãi bỏ các văn bản: Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Phần Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý và Chương IV Quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; UBND cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk (áp dụng theo tên gọi của tổ chức được thành lập sau khi Đề án Tổ chức lại Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk và Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên được phê duyệt); các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến các hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Quy định cụ thể về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng:

+ Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy;

+ Thẩm quyền tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình xây dựng;

+ Thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ nhà ở riêng lẻ);

+ Thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng;

+ Thẩm quyền điều tra sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ công tác thi công xây dựng.

- Quy định xử lý chuyển tiếp:

+ Đối với công trình thuộc dự án được Chủ tịch UBND cấp huyện (trước đây) quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư được đầu tư xây dựng trên địa bàn thuộc UBND cấp xã (mới) quản lý thì UBND cấp xã (mới) tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng. Trường hợp công trình xây dựng trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp

và Môi trường tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo chuyên ngành quản lý;

+ Đối với công trình của dự án được Chủ tịch UBND cấp xã (trước đây) quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư thì UBND cấp xã (mới) tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được đầu tư xây dựng trên địa bàn do UBND cấp xã (mới) quản lý;

+ Đối với công trình của dự án được Chủ tịch UBND cấp huyện (trước đây), Chủ tịch UBND cấp xã (trước đây) quyết định đầu tư đã nộp thủ tục hành chính kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đến các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục thực hiện; trường hợp trả lại hồ sơ để hoàn thiện thì gửi hồ sơ đến UBND cấp xã (mới) tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Quyết định này.

2.7. Quyết định số 42/2026/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 10/6/2026, bãi bỏ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng áp dụng:

+ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp Đắk Lắk, các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh;

+ UBND cấp xã;

+ Phòng Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính; Phòng Kinh tế thuộc UBND các xã; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc UBND các phường (sau đây gọi tắt là cơ quan đăng ký kinh doanh);

+ Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là các doanh nghiệp, hộ kinh doanh);

+ Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Nội dung phối hợp:

+ Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

+ Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

+ Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác;

+ Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

- Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập:

+ Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập;

+ Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về các nội dung: trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; Các nội dung khác (nếu có).

- Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước:

+ Chậm nhất trước ngày 25/12, các cơ quan quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm báo cáo hàng năm về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Điều 16 Quy chế này gửi UBND tỉnh thông qua Sở Tài chính;

+ Trên cơ sở báo cáo hàng năm của các cơ quan, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh trước ngày 15/01.

Trên đây là Thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Cục PBGDPL và TGPL;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh;
- Lưu: VT, NV3.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thị Thanh Thủy